

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI NG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI NG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NG CONSULTING DESIGN AND INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NG CODE INTRA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109249757

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 9, thôn Bến, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981327475

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết :<br>- Thiết kế xây dựng công trình.<br>- Thiết kế kiến trúc công trình, Thiết kế kiến trúc cảnh quan,<br>Thiết kế nội thất<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế công trình đường bộ, san nền.<br>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.<br>- Thiết kế công trình văn hóa, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật | 7110(Chính) |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 3.  | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(không bao gồm hoạt động của các phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7420        |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                    | 7730        |
| 5.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9524        |
| 6.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1629 |
| 8.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2431 |
| 9.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2511 |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2592 |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610 |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 18. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4759 |
| 20. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình lưu động hoặc tại chợ | 4784 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ NGỌC ĐỨC | Đội 9, thôn Bến, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 001070006300                                                                                |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Tổng số                   | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

|   |                        |                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | VŨ NGỌC GIÁP           | Thôn Đoàn Kết, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 630.000 | 6.300.000.000 | 70,000 | 001098005810 |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Tổng số                   | 630.000 | 6.300.000.000 | 70,000 |              |
|   |                        |                                                                        |                           |         |               |        |              |
| 3 | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN | Thôn Hòa Bình, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 | 001300032628 |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                        | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 10,000 |              |
|   |                        |                                                                        |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ NGỌC GIÁP**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/03/1998*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001098005810*

Ngày cấp: *14/05/2015*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đoàn Kết, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 9, thôn Bến, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội